TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa
bà X và ông H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cư

Ông Lê Quốc Tiết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1983
Địa chỉ HKTT: Thôn d, xã i, huyện d, tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ liên lạc: khu phố 2, thị trấn t, huyện c, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà X có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Bà và ông H kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà và ông H không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên: Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 03/3/2007 và Nguyễn Phát H, sinh ngày 18/11/2009. Hiện nay hai con chung đang do ông H nuôi dưỡng và nguyện vọng của hai con chung khi cha mẹ ly hôn muốn sống với cha. Nếu được ly hôn, bà đồng ý để ông H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, bà X và ông H kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 27/10/2005. Quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà X, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà X và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà X yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

Về con chung: bà X và ông H có 02 người con chung tên: Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 03/3/2007 và Nguyễn Phát H, sinh ngày 18/11/2009. Hiện nay hai con chung đang do ông H nuôi dưỡng.

Xét thấy, hai con chung đang sống ổn định với ông H và nguyện vọng của hai con chung muốn sống với cha, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để ông H trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim X và ông Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 03/3/2007 và Nguyễn Phát H, sinh ngày 18/11/2009 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007720 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh